

Số: /QĐ-SNN

Ninh Bình, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023 tại Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023 của Văn phòng sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang TTĐT Sở (để đăng tải);
- Lưu: VT; KHTC.

VPM

GIÁM ĐỐC

Vũ Nam Tiến

Đơn vị: Văn phòng sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày / /2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đvt: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
A	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	6.585.000
1	Chi các hoạt động kinh tế	6.585.000
1.1	Chi thường xuyên không giao tự chủ (Loại 280 - Khoản 281 - Nguồn 12 - Mã CTMT: 0490 - Tiểu mã CTMT: 0493)	6.585.000
-	Kinh phí tư vấn, khảo sát, lựa chọn sản phẩm tiềm năng mới; rà soát, đánh giá sản phẩm đã đạt sao OCOP theo quy định	140.000
-	Kinh phí hỗ trợ chủ thể có sản phẩm đạt chuẩn năm 2022 (số sản phẩm vượt kế hoạch năm 2022 chưa được hỗ trợ: 03 sản phẩm 4 sao x 85 triệu đồng/sản phẩm và 02 sản phẩm 3 sao x 75 triệu đồng/sản phẩm)	205.000
-	Hỗ trợ các chủ thể có sản phẩm đạt chuẩn 3 sao trở lên năm 2023 (57 sản phẩm: 5 sản phẩm 4 sao x 85 triệu đồng/sản phẩm và 52 sản phẩm 3 sao x 75 triệu đồng/sản phẩm)	4.325.000
-	Triển khai, đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức; Truyền thông Chương trình OCOP	865.000
-	Chuyển đổi số trong công tác triển khai và quản lý Chương trình OCOP	1.050.000